

Số: 5085 /QĐ-BNN-BVTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2022.

Bãi bỏ các nội dung tại số thứ tự 16, 17, 20, 21 mục A Phần I (Danh mục thủ tục hành chính) và nội dung cụ thể của 04 thủ tục hành chính: “XVI. TTHC Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu”, “XVII. TTHC Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quá cảnh”, “XX. TTHC Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật”, “XXI. TTHC Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật” quy định tại mục A Phần II Danh mục, nội dung thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực bảo vệ thực vật ban hành kèm theo Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày

24/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

Bãi bỏ các nội dung tại số thứ tự 15, 16, 19 mục A Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bãi bỏ Quyết định số 2022/QĐ-BNN-BVTV ngày 03/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các Tổng cục, Vụ, Cục thuộc Bộ, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (bản PDF);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Trung tâm Thống kê và tin học;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quốc Doanh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-BVTV ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	1.004546	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bảo vệ thực vật	Cục Bảo vệ thực vật
2.	1.004524	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bảo vệ thực vật	Cục Bảo vệ thực vật
3.	1.004038	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu,	Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ	Bảo vệ thực vật	Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các Trạm kiểm dịch thực vật

		kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu.	trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		tại cửa khẩu); các tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định.
4.	2.001046	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu	Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bảo vệ thực vật	Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu)
5.	2.001038	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quá cảnh	Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bảo vệ thực vật	Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I. TTHC Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

1.Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người đề nghị cấp Thẻ hành nghề nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ cho Cục Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 01 ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

- *Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bảo vệ thực vật thực hiện việc cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu qui định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.*

Trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ

- Trực tiếp
- Bưu điện

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT.

b) Bản chính Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp.

c) Hai ảnh cỡ 2cm x 3cm.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân đăng ký cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo vệ thực vật

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (*Phụ lục VI Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT*)

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện đối với cá nhân được cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật:

Đã được tập huấn và kiểm tra chuyên môn về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo chương trình do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật) quy định; bảo đảm sức khỏe theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

- Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ
THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 12 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ
THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Kính gửi:

Họ tên: ngày sinh:// Nam/Nữ:

Đơn vị công tác:

Địa chỉ:

Trình độ:

Đã qua tập huấn chuyên môn ngày tháng năm

Biện pháp xử lý:

☐ Xông hơi khử trùng

☐ Hơi nước nóng

☐ Chiếu xạ

☐ Nhiệt nóng

☐ Biện pháp khác (.....)

Hồ sơ kèm theo:

☐ Giấy khám sức khỏe

☐ 02 ảnh 2cm x 3cm

Tôi xin cam đoan sẽ chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong suốt quá trình hành nghề, nếu vi phạm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan chủ quản
(Ký tên, đóng dấu)

Người đề nghị cấp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI
MẪU THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ
VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Thẻ có hình chữ nhật, kích thước: 7cm x 10cm, được làm bằng bìa cứng, ép plastic

Mặt trước thẻ:

- Bên trái từ trên xuống là logo Cục Bảo vệ thực vật; ảnh của người được cấp thẻ cỡ 2cm x 3cm; góc dưới bên phải ảnh đóng dấu nổi của cơ quan cấp thẻ;
- Bên phải từ trên xuống là quốc hiệu; hàng chữ “Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật” màu đỏ; các chữ khác màu đen;
- Đóng khung màu xanh lam.

 	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
	Số thẻ:
	Họ và tên:
	Ngày sinh:
	Biện pháp xử lý :
	

Mặt sau thẻ:

- Nền trắng, hoa văn vàng; chữ đen;
- Được đóng khung màu xanh lá cây

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ - Thẻ này được cấp theo quy định kiểm dịch thực vật hiện hành - Chỉ dùng thẻ này khi thi hành nhiệm vụ - Không cho mượn, tẩy, xóa, làm hư hỏng thẻ - Khi bị mất thẻ phải báo ngay cho cơ quan công an và cơ quan chủ quản Hà Nội, ngày tháng năm CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT CỤC TRƯỞNG
--

II. TTHC Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

1.Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người đề nghị cấp lại Thẻ hành nghề nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ cho Cục Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ ngay khi nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời gian 01 ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện.

- *Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bảo vệ thực vật thực hiện việc cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu qui định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT.*

Trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ

- Trực tiếp

- Bưu điện

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT*

- Bản chính Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp.

- Hai ảnh cỡ 2cm x 3cm.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân đăng ký cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo vệ thực vật

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (*Phụ lục VI Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT*).

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ hành nghề được cấp lại trong các trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng.

Điều kiện đối với cá nhân được cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật: Đã được tập huấn và kiểm tra chuyên môn về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo chương trình do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật) quy định; bảo đảm sức khỏe theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;
- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.
- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- *Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

Phụ lục
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ
THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 12 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ
THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Kính gửi:

Họ tên: ngày sinh:// Nam/Nữ:

Đơn vị công tác:

Địa chỉ:

Trình độ:

Đã qua tập huấn chuyên môn ngày tháng năm

Biện pháp xử lý:

☐ Xông hơi khử trùng

☐ Hơi nước nóng

☐ Chiếu xạ

☐ Nhiệt nóng

☐ Biện pháp khác (.....)

Hồ sơ kèm theo:

☐ Giấy khám sức khỏe

☐ 02 ảnh 2cm x 3cm

Tôi xin cam đoan sẽ chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong suốt quá trình hành nghề, nếu vi phạm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan chủ quản
(Ký tên, đóng dấu)

Người đề nghị cấp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI
MẪU THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ
VẬT THỂ THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Thẻ có hình chữ nhật, kích thước: 7cm x 10cm, được làm bằng bìa cứng, ép plastic

Mặt trước thẻ:

- Bên trái từ trên xuống là logo Cục Bảo vệ thực vật; ảnh của người được cấp thẻ cỡ 2cm x 3cm; góc dưới bên phải ảnh đóng dấu nổi của cơ quan cấp thẻ;
- Bên phải từ trên xuống là quốc hiệu; hàng chữ “Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật” màu đỏ; các chữ khác màu đen;
- Đóng khung màu xanh lam.

 	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	THẺ HÀNH NGHỀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC ĐIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
	Số thẻ:
	Họ và tên:
	Ngày sinh:
	Biện pháp xử lý :
	

Mặt sau thẻ:

- Nền trắng, hoa văn vàng; chữ đen;
- Được đóng khung màu xanh lá cây

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ - Thẻ này được cấp theo quy định kiểm dịch thực vật hiện hành - Chỉ dùng thẻ này khi thi hành nhiệm vụ - Không cho mượn, tẩy, xóa, làm hư hỏng thẻ - Khi bị mất thẻ phải báo ngay cho cơ quan công an và cơ quan chủ quản Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ... CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT CỤC TRƯỞNG

III. TTHC Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

Chủ vật thể (chủ hàng) nộp (gửi) 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu hoặc đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu hoặc đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu và đăng ký xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản nhập khẩu tại cơ quan kiểm dịch thực vật (các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng, các Trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu) hoặc qua Cơ chế một cửa Quốc gia (trực tuyến).

- Bước 2:

Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

+ Trường hợp chỉ thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm, xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và bố trí công chức kiểm tra lô vật thể.

+ Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm, xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu và bố trí công chức kiểm tra lô vật thể;

Lấy mẫu, kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm (chỉ áp dụng với phương thức kiểm tra chặt).

+ Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật:

Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu;

Quyết định địa điểm và tổ chức kiểm tra lô vật thể.

Đối với lô hàng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu thực hiện theo chế độ (phương thức) kiểm tra thông thường hoặc kiểm tra chặt chẽ: việc lấy mẫu và kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản do cơ quan kiểm dịch thực vật thực hiện; việc lấy mẫu và kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi do tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định thực hiện.

- Bước 4:

+ Trường hợp chỉ thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu

Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT) trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

+ Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu

Kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường:

Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT) trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

Trường hợp ra Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm không đạt yêu cầu nhập khẩu theo quy định, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định các biện pháp xử lý theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 55 Luật An toàn thực phẩm.

Kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt:

Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi bắt đầu kiểm dịch và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu, cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

Trường hợp ra Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm không đạt yêu cầu nhập khẩu theo quy định, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định các biện pháp xử lý theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 55 Luật An toàn thực phẩm.

+ Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

Kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu theo chế độ kiểm tra giám hoặc miễn kiểm tra:

+ Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT) và Giấy xác nhận chất lượng (theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP) trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

Kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu theo chế độ kiểm tra thông thường hoặc kiểm tra chặt:

+ Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT) trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

+ Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy xác nhận chất lượng (theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP) sau khi có kết quả thử nghiệm.

Kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật nhập khẩu theo chế độ kiểm tra thông thường hoặc kiểm tra chặt

+ Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT) trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

+ Tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định cấp giấy Xác nhận chất lượng (theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP) cho lô hàng sau khi có kết quả thử nghiệm.

2. Cách thức thực hiện:

- + Trực tiếp
- + Bưu chính
- + Trực tuyến (Cơ chế một cửa Quốc gia)

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ **Trường hợp chỉ thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu**

- Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT);

- *Bản sao chụp hoặc bản điện tử hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp;*

Trường hợp chủ vật thể nộp bản sao chụp hoặc bản điện tử thì phải nộp bản chính trước khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể.

- *Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao chứng thực Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (trường hợp quy định phải có Giấy phép).*

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu

- Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT);

- *Bản sao chụp hoặc bản điện tử hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp;*

Trường hợp chủ vật thể nộp bản sao chụp hoặc bản điện tử thì phải nộp bản chính trước khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể.

- *Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao chứng thực Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (trường hợp quy định phải có Giấy phép);*

- Bản tự công bố sản phẩm

- 03 (ba) Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu liên tiếp theo phương thức kiểm tra chặt đối với các lô hàng, mặt hàng được chuyển đổi phương thức từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường (bản chính);

- Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing list).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

+ Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

- Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT);

- *Bản sao chụp hoặc bản điện tử hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp;*

Trường hợp chủ vật thể nộp bản sao chụp hoặc bản điện tử thì phải nộp bản chính trước khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể.

- *Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao chứng thực Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (trường hợp quy định phải có Giấy phép);*

- Bản sao chụp có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, phiếu đóng gói (Packing list), hóa đơn mua bán (Invoice), phiếu kết quả phân tích chất lượng của nước xuất xứ cấp cho lô hàng (Certificate of Analysis), nhãn sản phẩm của nhà sản xuất; bản tiêu chuẩn công bố áp dụng của đơn vị nhập khẩu.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp chỉ thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu hoặc thực hiện đồng thời kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường: 24 giờ.

- Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt: 07 ngày làm việc.

- Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu theo chế độ kiểm tra giảm hoặc miễn kiểm tra: 24 giờ.

- Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu theo chế độ kiểm tra thông thường hoặc kiểm tra chặt: 15 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; thực phẩm có nguồn gốc thực vật; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu); các tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Trường hợp chỉ thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT).

+ Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT).

+ Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT);

Giấy xác nhận chất lượng (theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP).

8. Phí, lệ phí:

+ Đối với thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu

Theo quy định Thông tư 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 (Mục III, Biểu phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp).

+ Đối với thủ tục kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu: Không.

+ Đối với thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Trường hợp chỉ thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT).

+ Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT).

+ Trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT).

10. Điều kiện thực hiện TTHC

Đối với thực phẩm nhập khẩu (trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu).

- Sản phẩm thực vật dùng làm thực phẩm nhập khẩu phải có xuất xứ từ quốc gia, vùng lãnh thổ có hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm đáp ứng quy định của Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đưa vào danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ đăng ký xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc thực vật vào Việt Nam, trừ các thực phẩm đã qua chế biến, bao gói sẵn, thực phẩm do tổ chức, cá nhân Việt Nam xuất khẩu sang nước ngoài nhưng bị trả về và các trường hợp quy định tại Điều 13 Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

- Kiểm tra chặt áp dụng đối với lô hàng, mặt hàng nhập khẩu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Lô hàng, mặt hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu tại lần kiểm tra trước đó;

+ Lô hàng, mặt hàng không đạt yêu cầu trong các lần thanh tra, kiểm tra (nếu có);

+ Có cảnh báo của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc của nhà sản xuất.

Đối với thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật nhập khẩu)

Thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam.

Trường hợp chưa được phép lưu hành thì phải có văn bản chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được phép lưu hành tại Việt Nam của Tổng cục Thủy sản đối với thức ăn thủy sản hoặc của Cục Chăn nuôi đối với thức ăn chăn nuôi.

Đối với thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu (trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu)

Thức ăn thủy sản có nguyên liệu sản xuất phải thuộc Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, nguyên liệu sản xuất thức ăn được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam.

Trường hợp nhập khẩu thức ăn thủy sản có nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản không thuộc Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, nguyên liệu sản xuất thức ăn được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam thì phải có Giấy phép nhập khẩu của Tổng cục Thủy sản.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Kiểm dịch thực vật nhập khẩu

Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;

Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 và Thông tư 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu

Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

Luật Thủy sản năm 2017;

Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

Phụ lục I**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (*)

Kính gửi:(**).....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax/E-mail:

Số Giấy CMND: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng nhập khẩu sau (***):

1. Tên hàng:Tên khoa học:

Cơ sở sản xuất:

Mã số (nếu có):.....

Địa chỉ:

2. Số lượng và loại bao bì:

3. Khối lượng tịnh:.....Khối lượng cả bì:

4. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...):

5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Địa chỉ:

6. Nước xuất khẩu:

7. Cửa khẩu xuất:.....

8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

Địa chỉ:

9. Cửa khẩu nhập:.....

10. Phương tiện vận chuyển:

11. Mục đích sử dụng:

12. Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu (nếu có):.....

13. Địa điểm kiểm dịch:

14. Thời gian kiểm dịch:.....

15. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

16. Nơi hàng đến:

Chúng tôi xin cam kết: Bảo quản nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

Tổ chức cá nhân đăng ký
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Kiểm dịch

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: để làm thủ
tục kiểm dịch vào hồi.....giờ ngày.....tháng.....năm.....
Lô hàng chỉ được thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Vào sổ số....., ngày...tháng...năm...
.....(*).....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:.....
.....
....., ngày...tháng...năm...

Chi cục Hải quan cửa khẩu.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(*) Đăng ký theo Mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp.

Phụ lục Ia
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÀ KIỂM TRA AN TOÀN
THỰC PHẨM HÀNG HÓA CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ
KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÀ KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM
HÀNG HÓA CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU ⁽¹⁾

Kính gửi:⁽²⁾

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Số CMND/căn cước (đối với cá nhân):....., ngày cấp, nơi cấp

Điện thoại: Fax/E-mail:

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch và kiểm tra an toàn thực phẩm (ATTP) lô hàng nhập khẩu sau: ⁽³⁾

1. Tên, địa chỉ, điện thoại của tổ chức, cá nhân nhập khẩu:.....

2. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

.....

3. Thông tin chi tiết lô hàng:

TT	Tên mặt hàng	Tên khoa học	Nhóm sản phẩm	Tên và địa chỉ nhà sản xuất (Mã số nếu có)	Phương thức kiểm tra	Số văn bản xác nhận phương thức kiểm tra ⁽⁴⁾
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)

4. Số lượng và loại bao bì:

5. Trọng lượng tịnh: Trọng lượng cả bì

6. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr.):..... Số Bill.....

7. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân xuất khẩu:

8. Xuất xứ hàng hóa:

9. Nước xuất khẩu:

10. Thời gian nhập khẩu dự kiến:

11. Cửa khẩu đi (cửa khẩu xuất):

12. Cửa khẩu đến (cửa khẩu nhập):

13. Thời gian kiểm tra:

14. Địa điểm kiểm tra:

15. Phương tiện vận chuyển:

16. Mục đích sử dụng:

17. Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (nếu có):
18. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kiểm tra ATTP cần cấp:
19. Nơi hàng đến:

Chúng tôi xin cam kết: Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông/sử dụng sau khi được quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và kiểm tra ATTP theo quy định⁽⁵⁾.

Đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:
để làm thủ tục kiểm dịch thực vật và kiểm tra ATTP (đối với phương thức kiểm tra chặt) vào
hồi.....giờ....., ngày.....tháng.....năm.....

Vào số số....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện cơ quan kiểm tra⁽²⁾
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:

....., ngày.....tháng.....năm.....

Hải quan cửa khẩu.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾ Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt giấy khổ A4;

⁽²⁾ Tên cơ quan kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm;

⁽³⁾ Phải có đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

⁽⁴⁾ Là số thông báo của cơ quan có thẩm quyền thông báo mặt hàng được kiểm tra theo phương thức kiểm tra ATTP;

⁽⁵⁾ Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu.

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có dấu phải ghi rõ thông tin số CMND/căn cước.

Phụ lục Ib

**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÀ KIỂM TRA XÁC NHẬN
CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỨC ĂN THỦY SẢN
CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐĂNG KÝ

**KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÀ KIỂM TRA XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN
CHĂN NUÔI, THỨC ĂN THỦY SẢN CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU**

Số/No:
(Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra ghi)

Số/No:
(Dành cho cơ quan kiểm tra ghi)

Kính gửi:

1. Bên bán hàng/Seller: (hãng, nước)	
2. Địa chỉ, Điện thoại, Fax/Address, Phone:	
3. Nơi xuất hàng/Port of departure:	
4. Bên mua hàng/Buyer:	
Số CMND/căn cước (đối với cá nhân):	, ngày cấp , nơi cấp
5. Địa chỉ, Điện thoại, Fax/Address, Phone:	
6. Nơi nhận hàng/Port of Destination:	
7. Thời gian nhập khẩu dự kiến/Importing date:	
MÔ TẢ HÀNG HÓA/DESCRIPTION OF GOODS	
8. Tên hàng hóa/Name of goods:	
Tên khoa học (nếu có):	
9. Số lượng, khối lượng/ Quantity, Volume:	
Số lượng và loại bao bì:	
Trọng lượng tịnh:	Trọng lượng cả bì:
10. Xuất xứ hàng hóa:	
11. Mục đích sử dụng:	
12. Mã số công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được cấp phép lưu hành tại Việt Nam/ Registration number.	
13. Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (nếu có):	

14. Cơ sở sản xuất/ <i>Manufacturer (hãng, nước sản xuất):</i>	
15. Địa điểm tập kết hàng/ <i>Location of storage:</i>	
16. Thời gian đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ <i>Date for sampling:</i>	
17. Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ <i>Location for sampling:</i>	
18. Thông tin người liên hệ/ <i>Contact person:</i>	
19. Hợp đồng mua bán/ <i>Contract:</i> Số	ngày
20. Hóa đơn mua bán/ <i>Invoice:</i> Số	ngày
21. Phiếu đóng gói/ <i>Packing list:</i> Số	ngày
DÀNH CHO CƠ QUAN KIỂM TRA	
22. Yêu cầu kiểm tra chỉ tiêu/ <i>Analytical parameters required:</i>	
23. Chế độ kiểm tra chất lượng: (Số văn bản xác nhận chế độ kiểm tra chất lượng trường hợp miễn/giảm/chặt)	
24. Thời gian kiểm tra/ <i>Date of testing:</i>	
25. Đơn vị thực hiện kiểm tra:	
Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định/<i>This registration is used for customs clearance in term of imported goods. Consigner is required to submit to the inspection body, afterward, all related document of the imported goods</i>	
Chúng tôi xin cam kết: Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông/sử dụng sau khi được quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và Giấy xác nhận chất lượng.	

..... ngày/date:

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của Cơ quan kiểm dịch và kiểm tra chất lượng

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: để làm thủ tục kiểm dịch và kiểm tra chất lượng (đối với chế độ kiểm tra giảm có thời hạn) vào hồi giờ, ngày.....tháng.....năm.....

Sau khi có Giấy tạm cấp kết quả kiểm dịch thực vật hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật lô hàng có thể được đưa về kho bảo quản để kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu theo quy định của pháp luật (đối với chế độ kiểm tra thông thường, kiểm tra chặt).

Lô hàng chỉ được phép thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và Giấy xác nhận chất lượng.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện cơ quan kiểm tra

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:.....

....., ngày tháng.....năm.....

Hải quan cửa khẩu.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục II**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*

**(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
(TÊN CƠ QUAN KDTV)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

Số:/KDTV

Cấp cho:

Địa chỉ:

Điện thoại:

CĂN CỨ CẤP GIẤY:

- ☐ Giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu số ngày.../.../...;
- ☐ Giấy đăng ký KDTV; ☐ Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất khẩu;
- ☐ Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm;
- ☐ Dấu xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ của nước xuất khẩu;
- ☐ Căn cứ khác:

CHỨNG NHẬN:

Những vật thể thuộc diện KDTV (vật thể) sau đây:

Số lượng:

Khối lượng:(viết bằng chữ)

Phương tiện vận chuyển:

Nơi đi:

Nơi đến:

- ☐ Chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam;
- ☐ Phát hiện loài là đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại trên;
- ☐ Phát hiện sinh vật gây hại lạ. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại lạ trên;
- ☐ Lô vật thể trên được phép chở tới:.....

QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:

- ☐ Lô vật thể được phép gieo trồng, sử dụng tại địa điểm quy định trên;
- ☐ Lô vật thể được phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo lộ trình trên và phải tuân thủ mọi quy định về KDTV quá cảnh của Việt Nam;

☐ Báo ngay cho cơ quan KDTV/Bảo vệ thực vật nơi gần nhất khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam (*trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng, gieo trồng*, ☐ .);

☐ Điều kiện khác:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chủ vật thể không được chở lô vật thể đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan KDTV.

Phụ lục IIa
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÀ KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM
HÀNG HÓA CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÀ KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM HÀNG HÓA
CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Số/20...../GCNNK

1. Tên, địa chỉ, điện thoại của tổ chức, cá nhân nhập khẩu:
2. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:
.....
3. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân xuất khẩu:
4. Số tờ khai hải quan (nếu có):
5. Nước xuất khẩu
6. Tên, địa chỉ nhà sản xuất:..... Mã số (nếu có).....
7. Cửa khẩu đi (cửa khẩu xuất):
8. Cửa khẩu đến (cửa khẩu nhập):
9. Thời gian kiểm tra:
10. Địa điểm kiểm tra:
11. Phương thức kiểm tra an toàn thực phẩm (ATTP):
12. Thông tin chi tiết lô hàng:

TT	Tên mặt hàng	Tên khoa học	Nhóm sản phẩm	Số lượng/ trọng lượng	Phương tiện vận chuyển	Nơi đi	Nơi đến

CHỨNG NHẬN

☐ Lô hàng trên đã được kiểm tra và chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

- ☐ Lô hàng đã được kiểm tra và phát hiện loài là đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam. Lô hàng đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại trên.
- ☐ Lô hàng trên đã được kiểm tra và phát hiện sinh vật gây hại lạ. Lô hàng đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại.
- ☐ Lô hàng trên đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm (ATTP).

QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:

- ☐ Lô hàng được phép sử dụng tại địa điểm quy định trên;
- ☐ Báo ngay cho cơ quan kiểm dịch thực vật (KDTV)/bảo vệ thực vật (BVTV) nơi gần nhất khi phát hiện đối tượng KDTV, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam (*trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng...*)
- ☐ Điều kiện khác:

Giấy này được cấp căn cứ vào:

- ☐ Giấy phép KDTV nhập khẩu sốngày/...../.....
- ☐ Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và kiểm tra ATTP hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu;
- ☐ Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất khẩu;
- ☐ Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm KDTV;
- ☐ Kết quả phân tích chỉ tiêu ATTP của tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định (trường hợp kiểm tra chặt);
- ☐ Dấu xử lý vật liệu đóng gói của nước xuất khẩu;
- ☐ Căn cứ khác:

Nơi nhận:

- Chủ hàng:.....;
- Hải quan cửa khẩu:.....;
- Lưu hồ sơ kiểm tra.

Ngày.... tháng... năm...

Đại diện cơ quan kiểm tra
(*ký tên, đóng dấu*)

Ghi chú: Nghiêm cấm chở hàng đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan kiểm dịch thực vật và kiểm tra ATTP.

Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017
của Chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

The Socialist Republic of Vietnam
Independent - Freedom - Happiness

Cơ quan cấp xác nhận chất lượng/Department issues the quality certificate

Địa chỉ/Address:

Điện thoại/Tel:..... Fax:

GIẤY XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
QUALITY CERTIFICATE

Số /No:

Bên bán hàng/ Seller: Địa chỉ, Điện thoại, Fax./Address, Phone, Fax:		Nơi xuất hàng/Port of departure:
Bên mua hàng/Buyer: Địa chỉ/Address: Điện thoại, Fax/Phone, Fax:		Nơi nhận hàng/Port of Destination:
Tên hàng hóa/Name of goods	Khối lượng Quantity, Volume:	Mô tả hàng hóa/Description of goods:
Căn cứ vào kết quả kiểm tra số....., Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng số và kết quả phân tích chất lượng (Cơ quan cấp xác nhận chất lượng) Xác nhận lô hàng đạt yêu cầu chất lượng/Hereby certifies the goods meet the quality requirements		

VI. TTHC Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ vật thể nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký cho cơ quan kiểm dịch thực vật nơi gần nhất.

- Bước 2: Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm kiểm dịch tại cơ sở sản xuất, nơi xuất phát, nơi bảo quản ở sâu trong nội địa hoặc cửa khẩu xuất và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể.

- Bước 4: Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Theo mẫu qui định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT) hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu (Theo mẫu qui định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT) cho lô vật thể trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu.

+ Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

+ Trường hợp phát hiện lô vật thể không đáp ứng yêu cầu về kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu thì Cơ quan kiểm dịch thực vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đồng thời phải thông báo cho chủ vật thể biết.

2. Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp cho cơ quan kiểm dịch thực vật

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu (theo mẫu qui định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT).

b) *Bản điện tử hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu (trong trường hợp tái xuất khẩu).*

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 24 giờ

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu.

8. Phí, lệ phí:

Theo quy định tại Thông tư 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 (Mục III, Biểu phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp).

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ:

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT).

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;
- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- Thông tư 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.
- *Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

Phụ lục IV
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT
XUẤT KHẨU HOẶC TÁI XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33 /2014 /TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU/TÁI XUẤT KHẨU

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:
Địa chỉ:
Điện thoại:..... Fax/E-mail:
Số giấy CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:
Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng xuất khẩu sau :

1. Tên hàng:Tên khoa học:
Cơ sở sản xuất:
Mã số (nếu có):
Địa chỉ:.....
2. Số lượng và loại bao bì :
3. Khối lượng:Khối lượng cả bì:.....
4. Ký mã hiệu, số hợp đồng hoặc LC :
5. Phương tiện chuyên chở:
6. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:
Địa chỉ:.....
7. Cửa khẩu xuất:
8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:
Địa chỉ:.....
9. Cửa khẩu nhập:
10. Nước nhập khẩu:.....
11. Mục đích sử dụng:
12. Địa điểm kiểm dịch:
13. Thời gian kiểm dịch:
14. Địa điểm, thời gian giám sát xử lý (nếu có):

Số bản giấy chứng nhận KDTV cần cấp: bản chính; bản sao.....

Vào sổ số:ngày/...../.....

Cán bộ KDTV nhận giấy đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục V

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư 33 /2014 /TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

sample

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc INDEPENDENCE-FREEDOM-HAPPINESS		
GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT PHYTOSANITARY CERTIFICATE				
Gửi : Cơ quan Bảo vệ thực vật nước TO : THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF				Số (NO)
DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)				
1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER :		5. Nơi sản xuất: PLACE OF ORIGIN :		
2. Tên và địa chỉ người nhận: DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE :		6. Phương tiện chuyên chở: DECLARED MEANS OF CONVEYANCE :		
		7. Cửa khẩu nhập: DECLARED POINT OF ENTRY :		
3. Số lượng và loại bao bì: NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES :		8. Tên và khối lượng sản phẩm: NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED :		
4. Ký, mã hiệu: DISTINGUISHING MARKS :		9. Tên khoa học của thực vật: BOTANICAL NAME OF PLANTS :		
Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác nêu trên đã được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo quy trình thích hợp và được coi là không có dấu tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu cũng như phù hợp với yêu cầu kiểm dịch thực vật hiện hành của nước nhập khẩu. This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests, specified by the importing contracting party and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party.				
KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)				
XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)				
10. Ngày (DATE)	12. Tên thuốc (hoạt chất): CHEMICAL (active ingredient) :	14. Thời gian và nhiệt độ: DURATION AND TEMPERATURE :		
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT) :	13. Nồng độ (CONCENTRATION) :	15. Thông tin thêm (ADDITIONAL INFORMATION) :		
16. Dấu của cơ quan STAMP OF THE ORGANIZATION 	17. Nơi cấp giấy: PLACE OF ISSUE :	19. Tên, chữ ký của cán bộ Kiểm dịch thực vật có thẩm quyền NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER :		
	18. Ngày cấp: DATE ISSUED :			
Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này. No financial liability with respect to this certificate shall attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives.				

Phụ lục VI

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT TÁI XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư 33 /2014 /TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness			
GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT TÁI XUẤT KHẨU PHYTOSANITARY CERTIFICATE FOR RE-EXPORT					
Gửi: Cơ quan Bảo vệ thực vật nước TO : THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF				Số (No.):	
DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)					
1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER :		5. Nơi sản xuất: PLACE OF ORIGIN :			
		6. Phương tiện chuyên chở: DECLARED MEANS OF CONVEYANCE			
2. Tên và địa chỉ người nhận: DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE :		7. Cửa khẩu nhập: DECLARED POINT OF ENTRY :			
		8. Tên và khối lượng sản phẩm: NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED:			
3. Số lượng và loại bao bì NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES :					
4. Ký, mã hiệu: DISTINGUISHING MARKS :		9. Tên khoa học của thực vật: BOTANICAL NAME OF PLANTS :			
Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (KDTV) nêu trên được nhập khẩu vào Việt Nam từ nước (This is to certify that the plants, plant products described above were imported into Vietnam from).....với Giấy chứng nhận KDTV số (covered by Phytosanitary Certificate No)....., bản gốc (original) ☐ bản sao (certified true copy) ☐ gửi kèm theo giấy chứng nhận này (of which is attached to this certificate); rằng chúng đã được đóng gói (that they are packed) ☐ đóng gói lại (repacked) ☐ giữ nguyên bao bì gốc (in original) ☐ bao bì mới (new container) ☐ trên cơ sở Giấy chứng nhận KDTV gốc (that based on original phytosanitary certificate) ☐ và kiểm tra bổ sung (and additional inspection) ☐ , được coi là phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu, và trong thời gian bảo quản tại Việt Nam, lô hàng này không bị lây nhiễm sinh vật gây hại (they are considered to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party, and that during storage in Vietnam, the consignment has not been subjected to risk of infestation or infection).					
KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)					
XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)					
10. Ngày DATE	12. Tên thuốc (hoạt chất): CHEMICAL (active ingredient)	14. Thời gian và nhiệt độ DURATION AND TEMPERATURE			
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT)	13. Nồng độ (CONCENTRATION)	15. Thông tin thêm (ADDITIONAL INFORMATION)			
16. Dấu của cơ quan STAMP OF ORGANIZATION	17. Nơi cấp giấy PLACE OF ISSUE	19. Tên, chữ ký của cán bộ kiểm dịch thực vật có thẩm quyền NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER			
	18. Ngày cấp DATE ISSUED				
Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này. No financial liability with respect to this certificate attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives.					

VII. TTHC Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quá cảnh

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ vật thể nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký cho cơ quan kiểm dịch thực vật nơi gần nhất.

- Bước 2: Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể.

- Bước 4: Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật quá cảnh.

+ Trường hợp phát hiện lô vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ thì cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định áp dụng các biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật phù hợp theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp cho cơ quan kiểm dịch thực vật.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (theo mẫu qui định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT).

b) *Bản sao chụp hoặc bản điện tử hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do nước xuất khẩu cấp.*

Trường hợp chủ vật thể nộp bản sao chụp hoặc bản điện tử, phải nộp bản chính trước khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể.

c) *Bản điện tử hoặc bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu.*

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 24 giờ

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa.

8. Phí, lệ phí:

Theo quy định tại Thông tư 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021(Mục III, Biểu phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp).

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ:

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT).

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;
- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- Thông tư 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.
- *Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

Phụ lục I**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (*)

Kính gửi:(**).....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax/E-mail:

Số Giấy CMND: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng nhập khẩu sau (***):

1. Tên hàng:Tên khoa học:

Cơ sở sản xuất:

Mã số (nếu có):.....

Địa chỉ:

2. Số lượng và loại bao bì:

3. Khối lượng tịnh:.....Khối lượng cả bì:

4. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...):

5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Địa chỉ:

6. Nước xuất khẩu:

7. Cửa khẩu xuất:.....

8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

Địa chỉ:

9. Cửa khẩu nhập:.....

10. Phương tiện vận chuyển:

11. Mục đích sử dụng:

12. Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu (nếu có):.....

13. Địa điểm kiểm dịch:

14. Thời gian kiểm dịch:.....

15. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

16. Nơi hàng đến:

Chúng tôi xin cam kết: Bảo quản nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

Tổ chức cá nhân đăng ký
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Kiểm dịch

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: để làm thủ
tục kiểm dịch vào hồi.....giờ ngày.....tháng.....năm.....
Lô hàng chỉ được thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Vào sổ số....., ngày...tháng...năm...

.....(*).....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:.....

.....

....., ngày...tháng...năm...

Chi cục Hải quan cửa khẩu.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(*) Đăng ký theo Mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp.

Phụ lục II**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****(TÊN CƠ QUAN KDTV)****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

Số:/KDTV

Cấp cho:

Địa chỉ:

Điện thoại:

CĂN CỨ CẤP GIẤY:

- ☐ Giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu số ngày.../.../...;
- ☐ Giấy đăng ký KDTV; ☐ Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất khẩu;
- ☐ Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm;
- ☐ Dấu xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ của nước xuất khẩu;
- ☐ Căn cứ khác:

CHỨNG NHẬN:

Những vật thể thuộc diện KDTV (vật thể) sau đây:

Số lượng:

Khối lượng:(viết bằng chữ)

Phương tiện vận chuyển:

Nơi đi:

Nơi đến:

- ☐ Chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam;
- ☐ Phát hiện loài là đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại trên;
- ☐ Phát hiện sinh vật gây hại lạ. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại lạ trên;
- ☐ Lô vật thể trên được phép chờ tới:.....

QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:

- ☐ Lô vật thể được phép gieo trồng, sử dụng tại địa điểm quy định trên;
- ☐ Lô vật thể được phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo lộ trình trên và phải tuân thủ mọi quy định về KDTV quá cảnh của Việt Nam;

☐ Báo ngay cho cơ quan KDTV/Bảo vệ thực vật nơi gần nhất khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam (*trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng, gieo trồng*, ☐ .);

☐ Điều kiện khác:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chủ vật thể không được chở lô vật thể đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan KDTV.